

Số: /BC-SCT

Hà Nam, ngày tháng 6 năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính Quý II năm 2021**

Sở Công Thương báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính Quý II năm 2021 theo Công văn số 1124/VPUB-KSTT ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Văn phòng UBND tỉnh Hà Nam như sau:

#### **I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

##### **1. Đánh giá tác động thủ tục hành chính (TTHC)**

Quý II, Sở tiếp tục rà soát, đánh giá tác động các quy định về thủ tục hành chính nhằm hoàn thiện, tinh gọn Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

##### **2. Thẩm định, thẩm tra TTHC trong lập đề nghị xây dựng và dự án, dự thảo VBQPPL**

Việc tham gia ý kiến về quy định thủ tục hành chính tại dự thảo VBQPPL thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam: Sở đã tham gia đóng góp ý kiến đầy đủ các quy định TTHC tại dự thảo VBQPPL thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

##### **3. Về công bố, công khai TTHC**

- Tình hình, kết quả ban hành Quyết định công bố trong kỳ báo cáo: 0
- Tình hình, kết quả nhập dữ liệu về quy định TTHC: Thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy định TTHC của Sở lên cổng thông tin của Tỉnh, của Sở, trên phần mềm một cửa và trên Dịch vụ công trực tuyến của Tỉnh, của Quốc gia.

##### **4. Về tình hình, kết quả giải quyết TTHC**

- Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC trong kỳ từ ngày 16/03/2021 đến ngày 15/6/2021 (bao gồm cả hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; theo dịch vụ công trực tuyến) là 2.521 hồ sơ, trong đó:

- + Số mới tiếp nhận trực tuyến: 2.497 hồ sơ
- + Số kỳ trước chuyển qua: 05 hồ sơ
- + Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính): 19

- Kết quả giải quyết TTHC (bao gồm cả hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; theo dịch vụ công trực tuyến):

+ Số hồ sơ đã giải quyết: 2.516 hồ sơ . Trong đó: số hồ sơ giải quyết trước hạn: 2.516 ; số hồ sơ giải quyết quá hạn: 0.

+ Số hồ sơ đang giải quyết: 05 hồ sơ , trong đó: Số hồ sơ chưa đến hạn: 05 ; số hồ sơ quá hạn: 0.

### **5. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC**

- Trong kỳ báo cáo Sở không tiếp nhận được đơn thư hay phản ánh kiến nghị về thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành.

- Tình hình, kết quả xử lý: Số phản ánh, kiến nghị đã chuyển xử lý: 0, số phản ánh, kiến nghị đã có kết quả xử lý: 0.

### **6. Về rà soát, đơn giản hóa TTHC**

Thường xuyên tổ chức rà soát, đơn giản hóa TTHC, trong quý đã ban hành Công văn số 623/SCT-VP ngày 14/5/2021 về việc rà soát cung cấp dịch vụ công đủ điều kiện lên mức độ 4 năm 2021 gửi Sở Thông tin và truyền thông.

### **7. Về công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC**

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quán triệt, tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về TTHC, cải cách TTHC đặc biệt là tuyên truyền lợi ích của Dịch vụ công trực tuyến, Dịch vụ Bưu chính công ích trong việc tiếp nhận và trả kết quả TTHC trong điều kiện dịch bệnh Covid- 19 tái bùng phát.

- Bên cạnh đó, bảo đảm công khai, minh bạch các thông tin về bộ phận tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, thủ tục hành chính tại trụ sở làm việc của Sở, tại nơi tiếp nhận và trả kết quả TTHC - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Nam, trên trang thông tin điện tử của Tỉnh và cổng con của Sở.

- Tiếp tục phối hợp với Bưu điện tỉnh Hà Nam đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các tiện ích của Dịch vụ Bưu chính công ích từ đó hưởng ứng tham gia.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

- Việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính được Đảng ủy, Lãnh đạo Sở quan tâm thường xuyên chỉ đạo tổ chức thực hiện một cách khoa học đem lại hiệu quả cao trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Sở.

- Việc tổ chức rà soát các quy định liên quan đến thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được thực hiện trình tự, khoa học và quản lý chặt chẽ, công khai đầy đủ nội dung đến với người dân và doanh nghiệp hơn so với năm 2020, rút ngắn cả về thời gian và các điều kiện không cần thiết nhưng vẫn bảo đảm chặt chẽ để giải quyết các thủ tục hành chính. Từng bước khắc phục những khó khăn, tồn tại, hạn chế trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cán bộ công chức thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính đã có ý thức hơn.

- Bên cạnh đó, trong công tác kiểm soát TTHC vẫn còn một số hạn chế như:

+ Cán bộ công chức thực hiện công tác kiểm soát TTHC đều chưa được tập huấn sâu, sát mà chỉ được học hỏi qua kinh nghiệm công tác lâu năm, dẫn đến nhiều khi giải quyết các TTHC còn gặp vướng mắc.

+ Cán bộ công chức giải quyết TTHC tại các đơn vị thuộc Sở chủ yếu là kiêm nhiệm, thực hiện nhiệm vụ khác nhau nên đôi khi còn hạn chế trong xử lý giải quyết thủ tục hành chính.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI**

- Tập trung rà soát, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TTHC, đề xuất bổ sung, sửa đổi hoặc bãi bỏ TTHC kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và ngành quản lý đúng theo quy định của pháp luật. Đảm bảo tất cả TTHC được kiểm soát chặt chẽ và phải được niêm yết công khai, rõ ràng, minh bạch, chính xác.

- Tiến hành rà soát, đánh giá cắt bỏ đối với TTHC không cần thiết, không phù hợp, không có khả năng phát sinh giao dịch trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Tổ chức thực hiện nghiêm công tác tiếp nhận, xử lý, trả kết quả các thủ tục hành chính đã được công bố, công khai; thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc thực thi các thủ tục hành chính; TTHC phải kịp thời công bố công khai khi có điều chỉnh, bổ sung để tổ chức công dân dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Sắp xếp bố trí đội ngũ cán bộ, công chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và số lượng CBCC cho các đơn vị theo số lượng biên chế được giao và gắn trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong việc chỉ đạo thực hiện công tác cải cách tổ chức bộ máy.

- Tập trung tổ chức thực hiện cơ chế “một cửa” “một cửa liên thông” từ các đơn vị đến Sở, nhằm giảm thời gian giải quyết, tạo sự đồng thuận và tin tưởng với công dân khi đến giao dịch tại cơ quan hành chính nhà nước. Sắp xếp bố trí CBCC có đủ trình độ, năng lực, đạo đức, tác phong để thi hành công vụ.

- Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra định kỳ và đột xuất nhằm chấn chỉnh một cách mạnh mẽ về kỷ luật và kỷ cương trong bộ máy hành chính nhà nước. Kịp thời tuyên dương, khen thưởng CBCC có tinh thần tận tụy phục vụ, đồng thời xử lý nghiêm đối với CBCC sai phạm.

Sở Công Thương trân trọng báo cáo./.

#### ***Nơi nhận:***

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Nguyễn Ngọc**

Biểu số 04b/VPCP/KSTT  
Ban hành theo Thông tư số  
02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH  
CHÍNH TẠI CƠ QUAN QUÝ II NĂM 2021**

Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương  
Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng  
UBND tỉnh (Phòng Kiểm soát TTHC)

Kỳ báo cáo: Quý II năm 2021

(Từ ngày 16 tháng 3 năm 2021 đến ngày 15 tháng 6 năm 2021)

Đơn vị tính: TTHC/nhóm TTHC, văn bản

STT	Tên TTHC hoặc tên nhóm TTHC trong Kế hoạch rà soát	Phương án rà soát thuộc thẩm quyền thực thi					Phương án rà soát đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền thực thi					Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được Số TTHC
		Số lượng VBQPP L được rà soát	Số TTHC				Số lượng VBQPPL được rà soát	Số lượng VBQPPL được rà soát				
			Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia ra			
				Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới	Số TTHC cắt giảm			Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới	Số TTHC cắt giảm	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
1	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Lĩnh vực công nghiệp địa phương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực dầu khí	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Lĩnh vực giám định thương mại	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Lĩnh vực kinh doanh khí	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

7	Lĩnh vực thương mại quốc tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Lĩnh vực công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Lĩnh vực công nghiệp nặng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Lĩnh vực hóa chất	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Lĩnh vực khoa học, công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Lĩnh vực quản lý cạnh tranh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Lĩnh vực quản lý năng lượng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Lĩnh vực xúc tiến thương mại	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Lĩnh vực điện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

**Biểu số 06đ/VPCP/KSTT**  
**Ban hành theo Thông tư số**  
**02/2017/TT-VPCP ngày**  
**31/10/2017.**

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC**  
**TẠI SỞ CÔNG THƯƠNG QUÝ II NĂM 2021**  
**Kỳ báo cáo: Quý II năm 2021**  
*(Từ ngày 16 tháng 3 năm 2021 đến ngày 15 tháng 6 năm 2021)*

**Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương**  
**Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng UBND**  
**tỉnh (Phòng Kiểm soát TTHC)**

**Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC**

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyên qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc DVBC)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá thời hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	02	02	0	0	02	02	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực hóa chất	03	02	0	01	03	03	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Lưu thông hàng hóa trong nước	12	05	02	05	11	11	0	01	01	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực quản lý năng lượng	58	44	03	11	57	57	0	01	01	0	0	0	0	0
5	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp	07	05	0	02	06	06	0	01	01	0	0	0	0	0
6	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	2.439	2.439	0	0	2.437	2.437	0	02	02	0	0	0	0	0
	<b>Tổng</b>	<b>2.521</b>	<b>2.497</b>	<b>05</b>	<b>19</b>	<b>2.516</b>	<b>2.516</b>	<b>0</b>	<b>05</b>	<b>05</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Biểu số 05a/VPCP/KSTT**  
**Ban hành theo Thông tư số**  
**02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.**

**KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN)**  
**VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH**

**Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương**  
**Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng**  
**UBND tỉnh (Phòng Kiểm soát TTHC)**

**Kỳ báo cáo: Quý II năm 2021**  
**(Từ ngày 16 tháng 3 năm 2021 đến ngày 15 tháng 6 năm 2021)**

**Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị**

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Số PAKN về quy định hành chính được tiếp nhận (bao gồm kỳ trước chuyển qua)		Kết quả xử lý PAKN về quy định hành chính								Đăng tải công khai kết quả xử lý	
	Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tổng số	Chia theo nội dung PAKN		Chia theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Chia ra			
				Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tiếp nhận mới trong kỳ	Kỳ trước chuyển qua		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính		
												Số PAKN về hành vi hành chính
<b>A</b>	<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>	<b>(4)</b>	<b>(5)</b>	<b>(6)</b>	<b>(7)</b>	<b>(8)</b>	<b>(9)</b>	<b>(10)</b>	<b>(11)</b>	<b>(12)</b>
<b>Lĩnh vực công thương</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Biểu số 01b/VPCP/KSTT**  
**Ban hành theo Thông tư số**  
**02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.**

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**  
**QUY ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**Kỳ báo cáo: Quý II.**  
*(Từ ngày 16 tháng 3 năm 2021 đến ngày 15 tháng 6 năm 2021)*

**Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương**  
**Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát**  
**thủ tục hành chính Ủy ban nhân dân**  
**tỉnh Hà Nam**

*Đơn vị tính: TTHC, Văn bản*

TT	Đơn vị thực hiện	Tổng số			Phân loại TTHC đã đánh giá tác động theo tên văn bản QPPL				Phân loại TTHC đã đánh giá tác động về nội dung		
					Quyết định của UBND		Nghị quyết của HĐND		Số TTHC được quy định mới	Số TTHC được sửa đổi, bổ sung	Số TTHC được bãi bỏ, hủy bỏ
		TTHC đã được ban hành	TTHC đã được đánh giá tác động	VB QPPL quy định TTHC đã được ban hành	Số TTHC	Số VBQPPL	Số TTHC	Số VBQPPL			
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		
	<b>Sở Công Thương Hà Nam</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	



**Biểu số 02c/VPCP/KSTT**  
**Ban hành theo Thông tư số**  
**02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.**

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ TTHC QUY ĐỊNH TRONG**  
**CÁC DỰ ÁN/ DỰ THẢO VBQPPL**  
**Kỳ báo cáo: Quý II.**  
*(Từ ngày 16 tháng 3 năm 2021 đến ngày 15 tháng 6 năm 2021)*

**Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương**  
**Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát**  
**thủ tục hành chính Ủy ban nhân dân**  
**tỉnh Hà Nam**

*Đơn vị tính: TTHC, văn bản*

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên VBQPPL			
				Dự thảo Quyết định của UBND		Dự thảo Nghị quyết của HĐND	
		Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
	<b>Tổng số</b>						
<b>1</b>	<b>Sở Công Thương Hà Nam</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Biểu số 03b/VPCP/KSTT  
Ban hành theo Thông tư số  
02/2017/TT-VPCP ngày  
31/10/2017.

**SỐ TTHC, VBQPPL ĐƯỢC CÔNG BỐ, CÔNG KHAI**  
Kỳ báo cáo: Quý II.  
(Từ ngày 16 tháng 3 năm 2020 đến ngày 15 tháng 6 năm 2021)

Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương  
Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát thủ  
tục hành chính Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Công bố danh mục TTHC			Số lượng quyết định công bố TTHC đã ban hành	Số VBQPPL, TTHC được công bố					Số VBQPPL, TTHC đã được công khai/không công khai			
		Số lượng quyết định công bố danh mục TTHC	Số lượng TTHC công bố áp dụng tại địa phương	Số lượng TTHC đã được tích hợp dữ liệu và nhập sửa đổi, bổ sung thông tin trên CSDLQG		Số VBQPPL	Số TTHC			VBQPPL		TTHC		
							Tổng số	Chia ra		Ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung (công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (không công khai)	Ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung (công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (không công khai)	
								Số TTHC quy định mới	Số TTHC được sửa đổi, bổ sung					Số TTHC hủy bỏ, bãi bỏ
A				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
	<b>Tổng số</b>													
<b>1</b>	<b>Sở Công Thương Hà Nam</b>	<b>139</b>	<b>139</b>	<b>39</b>			<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Ghi chú:** Tổng số TTHC tại địa phương 139 trong đó, cấp tỉnh (thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương là 127 và cấp huyện 12 TTHC) Hiện tại đã tích hợp trên cổng dịch vụ trực tuyến 127 TTHC trong đó có 39 TTHC được tích hợp lên cổng dịch vụ công quốc gia

**Biểu số 06g/VPCP/KSTT**  
**Ban hành theo Thông tư số**  
**02/2017/TT-VPCP ngày**  
**31/10/2017**

**NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP**  
**TỒN ĐONG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**Kỳ báo cáo: Quý II.**  
*(Từ ngày 16 tháng 3 năm 2020 đến ngày 15 tháng 6 năm 2021)*

**Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương**  
**Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát**  
**thủ tục hành chính Ủy ban nhân dân**  
**tỉnh Hà Nam**

## **I. TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN**

*Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC*

<b>STT</b>	<b>Lĩnh vực, công việc giải quyết</b>	<b>Số lượng hồ sơ</b>	<b>Nguyên nhân quá hạn</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>	<b>(4)</b>	<b>(5)</b>
	<b>Không</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

## **II. CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ HẠN DO QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH**

<b>STT</b>	<b>Tên TTHC</b>	<b>Nội dung vướng mắc</b>	<b>Văn bản QPPL</b>
<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>	<b>(4)</b>
	<b>Không</b>		